

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BẤT ĐỘNG SẢN CÁT TƯỜNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BẤT ĐỘNG SẢN CÁT TƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN CÁT TƯỜNG

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3801186312

**3. Ngày thành lập:** 23/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 164, đường Nguyễn Huệ, Tổ 2, Khu phố Bình Thiện, Phường Tân Thiện, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0941 639629

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                               | 6820        |
| 2.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                             | 4222        |
| 3.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                             | 7110        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4211        |
| 5.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                           | 4293        |
| 6.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                             | 0131        |
| 7.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4102        |
| 8.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4221        |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                         | 4663        |
| 10. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3312        |
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                | 4932        |
| 12. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                  | 7730        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321        |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ<br>chi tiết: Thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ) - công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn đấu thầu, quản lý dự án xây dựng công trình - giám sát công trình giao thông đường bộ, hạ tầng dân dụng. | 7710        |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                       | 8230        |
| 16. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4101        |
| 17. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                           | 6810(Chính) |
| 18. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0161        |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4312        |
| 20. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                              | 4223        |
| 21. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                               | 4229        |
| 22. | Xây dựng công trình đường bộ<br>chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ)                                                                                                                                                                                                        | 4212        |
| 23. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                      | 4299        |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                               | 4669        |
| 25. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4311        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN PHI HÙNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/06/1982 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 285004739

Ngày cấp: 10/10/2013 Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Phước

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 3, Xã Tiến Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp 3, Xã Tiến Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN PHI HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/06/1982 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 285004739

Ngày cấp: 10/10/2013 Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Phước

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 3, Xã Tiến Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp 3, Xã Tiến Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước